

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2025/HNGĐ-ST**
Ngày 07 tháng 7 năm 2025
V/v: “*Tranh chấp về ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Long**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Sỹ Danh Huệ**

2. Bà **Nguyễn Thị Hoa**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** – Thẩm tra viên chính.

Đại diện Viện kiểm sát khu vực 10 – Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà **Vi Thị Ngọc Kim** – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 98/2025/TLST – HN&GD ngày 17 tháng 6 năm 2025 về việc “tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1999; căn cước công dân số: 001199010604 cấp ngày 11 tháng 8 năm 2024 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi thường trú: xóm C, thôn V, xã N (nay là xã L), huyện Q, thành phố Hà Nội (0333.582.833);

* Bị đơn: Anh **Nguyễn Ngọc T1**, sinh năm 1997; căn cước công dân số: 001097016730 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 01 tháng 6 năm 2017; nơi thường trú: thôn N, xã S, huyện Q, thành phố Hà Nội; hiện đang chấp hành án tại đội 3, phân trại 2, Trại giam S, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội;

Chị T và anh T1 có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt các tài liệu chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1997 có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Q, thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận kết hôn số: 130/2019 ngày 18 tháng 12 năm 2019. Sau khi cưới chúng tôi về sinh sống tại thôn N, xã S, huyện Q, thành phố Hà Nội. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Nay vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay anh T1 đang chấp hành án tại đội 3, phân trại 2, Trại giam S, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội. Nay tôi nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh T1.

- Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung là cháu **Nguyễn Ngọc Khánh D**, sinh ngày 15 tháng 3 năm 2020. Sau ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu D. Tôi không yêu cầu anh T1 thực hiện nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung với tôi.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản): tôi xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về các khoản vay nợ: tôi xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Tôi đồng ý chịu án phí sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* **Bị đơn** anh Nguyễn Ngọc T1 đã được Tòa tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng hiện đang chấp hành án tại đội 3, phân trại 2, Trại giam S, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội và có bản tự khai gửi tòa án trình bày quan điểm giải quyết vụ án như sau.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên quan điểm của mình. Cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1999 có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Q, thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận kết hôn số: 130/2019 ngày 18 tháng 12 năm 2019. Sau khi cưới chúng tôi về sinh sống tại thôn N, xã S, huyện Q, thành phố Hà Nội. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Hiện nay tôi đang chấp hành án tại tại đội 3, phân trại 2, Trại giam S, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, chị T làm đơn xin ly hôn tôi. Tôi đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết ngay cho tôi và chị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là cháu **Nguyễn Ngọc Khánh D**, sinh ngày 15 tháng 3 năm 2020. Sau ly hôn tôi đồng ý giao chị T trực tiếp

chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu D. Tôi xin toại hoãn nghĩa vụ đóng góp tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản): tôi xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về các khoản vay nợ: tôi xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Tôi đồng ý để chị T chịu án phí sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt theo quy định của pháp luật các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho nguyên đơn, bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải cho các đương sự được và đồng thời Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:*

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định Điều 48; Điều 198; khoản 2, 3 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của người tham gia tố tụng Điều 28, 39, 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đương sự đã được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 28; Điều 58; 63; 70 và khoản 1 Điều 228, Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: giao cháu **Nguyễn Ngọc Khánh D**, sinh ngày 15 tháng 3 năm 2020 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục, do hiện nay anh T1 đang chấp hành án tại trại giam S. Về tài sản chung và nhà ở, các nguyên đơn, bị đơn, xác nhận xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết; Về các khoản vay nợ: các đương sự xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án để tuyên nguyên đơn chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bảo lưu toàn bộ lời khai tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Tòa án tiến hành giải quyết vụ án đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc T1 là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, không hạnh phúc và không có con chung. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình hai bên có biết và hòa giải nhưng không có kết quả. Anh chị đã ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay. Chị T xác định không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án cho ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy về quan hệ hôn nhân: chị T, anh T1 kết hôn hợp pháp trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, không hạnh phúc và không có con chung. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình hai bên có biết và hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Bị đơn là anh Nguyễn Ngọc T1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa làm việc do anh đang chấp hành án tại Trại giam S. Tuy nhiên anh T1 đã gửi bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt anh T1 xác định: chị T, anh T1 trong lúc cùng chung sống có nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử giải quyết cho chị T được ly hôn với anh T1 là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về con chung: anh chị có 01 con chung là cháu **Nguyễn Ngọc Khánh D**, sinh ngày 15 tháng 3 năm 2020, giao chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu D là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh hiện nay của anh chị. Tạm hoãn việc thực hiện nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T1 do anh đang chấp hành án tại Trại giam S.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Hai bên xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về các khoản vay nợ: Hai bên xác nhận không vay nợ nhau, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

- Bị đơn anh T1 được tòa án triệu tập họp lệ đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và gửi bản tự khai trình bày quan điểm giải quyết vụ án, bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố nên Tòa án không xem xét. Dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác trong trường hợp anh T1 và chị T có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm;

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Từ các căn cứ và nhận định của Hội đồng xét xử;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39: Điều 70; khoản 4 Điều 147; Điều 203; khoản 1 Điều 228; Điều 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; căn cứ Điều 27, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị **Nguyễn Thị T**;

Chị **Nguyễn Thị T** được ly hôn với anh **Nguyễn Ngọc T1**.

2. Về con chung: anh chị có 01 con chung là cháu **Nguyễn Ngọc Khánh D**, sinh ngày 15 tháng 3 năm 2020, giao chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu D kể từ tháng 7 năm 2025 đến khi con chung trưởng thành hoặc có quyết định thay đổi khác. Tạm hoãn việc thực hiện nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T1 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác.

Anh Nguyễn Ngọc T1 có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Hai bên xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết;

- Về các khoản vay nợ: Hai bên xác nhận không vay nợ nhau, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

4. Do bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố nên Tòa án không xem xét. Dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác trong trường hợp đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0032532 ngày 17 tháng 6 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10;
- Chi Cục THA dân sự huyện Quốc Oai;
- UBND xã Quốc Oai, thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Nguyễn Ngọc Long